



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020268	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	KD10B	01					
2	000002	1001020899	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Trân	17/12/2004	KD10B	01					
3	000003	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	01					
4	000004	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	01					
5	000005	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	01					
6	000006	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	01					
7	000007	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	01					
8	000008	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	01					
9	000009	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	01					
10	000010	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	01					
11	000011	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	01					
12	000012	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	01					
13	000013	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	01					
14	000014	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	01					HP
15	000015	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	01					
16	000016	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	01					
17	000017	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	01					
18	000018	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	01					
19	000019	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	01					HP
20	000020	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	01					
21	000021	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	01					HP
22	000022	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	01					
23	000023	1101020025	Nguyễn Văn	Anh	01/12/2005	KD11E	01					
24	000024	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	01					
25	000025	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	01					
26	000026	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	01					
27	000027	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	01					
28	000028	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	01					HP
29	000029	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	01					HP,ĐK
30	000030	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	01					
31	000031	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	01					
32	000032	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	01					
2	000034	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	01					
3	000035	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	01					HP
4	000036	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	01					HP
5	000037	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01					ĐK
6	000038	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01					
7	000039	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	01					
8	000040	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	01					
9	000041	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	01					HP,ĐK
10	000042	1101030595	Lê Quyền	Linh	21/07/2005	QT11B	01					HP
11	000043	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	01					
12	000044	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	01					ĐK
13	000045	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	01					
14	000046	0901030089	Đặng Thị Quỳnh	Anh	06/10/2003	QT9B	01					
15	000047	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B	01					
16	000048	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	01					ĐK
17	000049	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	01					
18	000050	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	01					
19	000051	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	01					
20	000052	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	01					
21	000053	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	01					
22	000054	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	01					
23	000055	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	01					
24	000056	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	01					
25	000057	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	01					
26	000058	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	01					
27	000059	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	01					
28	000060	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM10A	01					HP,ĐK
29	000061	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	01					
30	000062	1001040001	Vũ Đức	An	31/03/2004	CT10A	02					HP
31	000063	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	02					HP
32	000064	1001040918	Đào Duy	Nam	15/03/2004	CT10A	02					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000065	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	02					HP
2	000066	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	02					
3	000067	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	02					HP
4	000068	1001021560	Nguyễn Thủy	Phương	07/08/2004	KD10E	02					
5	000069	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	02					
6	000070	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	02					
7	000071	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	02					
8	000072	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	02					
9	000073	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	02					
10	000074	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	02					HP
11	000075	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	02					
12	000076	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	02					
13	000077	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	02					
14	000078	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	02					
15	000079	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	02					HP
16	000080	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	02					
17	000081	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	02					
18	000082	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	02					HP
19	000083	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	02					HP
20	000084	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	02					
21	000085	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	02					HP
22	000086	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	02					HP
23	000087	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	02					HP
24	000088	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	02					HP
25	000089	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	02					
26	000090	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	02					HP
27	000091	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	02					HP
28	000092	1101011279	Nguyễn Khải	Hưng	07/10/2005	NH11A	02					
29	000093	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	02					HP
30	000094	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	02					HP
31	000095	1101011383	Nguyễn Thị	Mai	16/11/2004	NH11A	02					HP,ĐK
32	000096	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000097	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	02					
2	000098	0901070139	Trần Hoàng	Anh	03/07/2003	QL9A	02					
3	000099	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	02					HP
4	000100	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	02					HP,ĐK
5	000101	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	02					HP
6	000102	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	02					HP,ĐK
7	000103	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	02					
8	000104	1001010855	Vũ Ngọc	Sơn	24/07/2004	TC10B	02					
9	000105	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	02					
10	000106	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	02					
11	000107	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	02					HP
12	000108	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	02					HP
13	000109	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	02					
14	000110	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	02					HP
15	000111	1101040374	Bùi Thị Lan	Hương	19/10/2005	CT11A	03					
16	000112	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	03					HP
17	000113	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	03					
18	000114	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	03					
19	000115	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	03					HP
20	000116	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	03					
21	000117	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	03					
22	000118	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	03					
23	000119	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	03					
24	000120	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	03					HP
25	000121	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	03					
26	000122	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	03					HP,ĐK
27	000123	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	03					
28	000124	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	03					
29	000125	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	03					HP
30	000126	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	03					
31	000127	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Nguyên lý kế toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000128	1101020957	Nguyễn Thị	Hảo	16/07/2005	KD11E	03					HP
2	000129	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	03					HP
3	000130	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	03					
4	000131	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	03					HP
5	000132	1101070430	Nguyễn Phan Hải	Đăng	30/07/2005	KL11A	03					HP
6	000133	1101070438	Ninh Thị Thu	Huệ	28/12/2005	KL11A	03					
7	000134	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	03					
8	000135	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	03					
9	000136	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	03					
10	000137	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	03					
11	000138	1101030596	Lê Thuỳ	Linh	04/09/2005	QM11A	03					
12	000139	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	03					
13	000140	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	03					
14	000141	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	03					
15	000142	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	03					
16	000143	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	03					
17	000144	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	03					HP
18	000145	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	03					
19	000146	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	03					
20	000147	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	03					
21	000148	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	03					HP
22	000149	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	03					
23	000150	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	03					
24	000151	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	03					
25	000152	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	03					HP
26	000153	1101031007	Nguyễn Thúy	Ngân	13/03/2005	QT11B	03					HP
27	000154	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	03					
28	000155	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	03					
29	000156	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	03					
30	000157	1101011391	Trần Hải	Đăng	13/03/2005	TC11A	03					
31	000158	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	03					
32	000159	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001041432	Nguyễn Thùy	Trang	15/06/2003	CT10A	01					
2	000002	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	01					
3	000003	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD10B	01					HP,ĐK
4	000004	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	01					HP,ĐK
5	000005	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	01					HP
6	000006	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	01					HP
7	000007	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	01					
8	000008	1001020248	Đinh Thị Quỳnh	Phương	25/10/2003	KD10D	01					HP,ĐK
9	000009	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	KD10D	01					HP
10	000010	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	01					
11	000011	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	01					
12	000012	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	01					
13	000013	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10H	01					HP,ĐK
14	000014	0810211016	Bùi Thị Khánh	Thùy	09/10/2001	KD8C	01					HP,ĐK
15	000015	0901020502	Trần Thị Thu	Hà	17/08/2003	KD9E	01					
16	000016	0901020421	Đào Mạnh	Son	02/11/2003	KD9G	01					HP,ĐK
17	000017	0901020051	Nguyễn Văn	Tú	02/12/2003	KD9G	01					
18	000018	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	01					
19	000019	1001010297	Lê Long	Thủy	15/10/2000	NH10A	01					
20	000020	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	01					
21	000021	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	01					
22	000022	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	01					
23	000023	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	01					
24	000024	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	01					
25	000025	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	01					
26	000026	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	01					HP
27	000027	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	01					
28	000028	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	01					
29	000029	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000030	1001030606	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2004	QM10B	01					
2	000031	1001030709	Nguyễn Thùy	Tiên	22/12/2004	QM10B	01					
3	000032	0901030220	Lê Thúy	Kiều	22/05/2003	QM9A	01					HP
4	000033	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	01					HP
5	000034	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	01					
6	000035	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	01					
7	000036	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	01					
8	000037	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	01					
9	000038	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	01					HP,ĐK
10	000039	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	01					
11	000040	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	02					
12	000041	1001041434	Lê Ngọc	Khang	02/02/2004	CT10A	02					
13	000042	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	02					
14	000043	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	02					
15	000044	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	02					
16	000045	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	02					
17	000046	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	02					
18	000047	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	02					
19	000048	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	02					
20	000049	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	02					
21	000050	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	02					
22	000051	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	02					
23	000052	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	02					
24	000053	1001021560	Nguyễn Thùy	Phương	07/08/2004	KD10E	02					
25	000054	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	02					
26	000055	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	02					
27	000056	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10H	02					
28	000057	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Son	26/07/2002	KD8D	02					
29	000058	0810210798	Phạm Mai	Linh	06/01/2002	KD9C	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000059	0901020360	Mai Tùng	Dương	30/10/2003	KD9N	02					
2	000060	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	02					
3	000061	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	02					
4	000062	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	02					
5	000063	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	02					
6	000064	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	02					
7	000065	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	02					
8	000066	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	02					
9	000067	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	02					
10	000068	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	02					
11	000069	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	02					
12	000070	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	02					
13	000071	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	02					
14	000072	1101031162	Phạm Ngọc	Cường	09/07/1985	QT11C	02					
15	000073	1101031434	Nguyễn Hữu	Lương	10/08/2000	QT11C	02					
16	000074	1102031441	Nguyễn Hữu	Lĩnh	03/12/1989	QT11C_VLV	02					
17	000075	1102031248	Lưu Đình	Tú	10/11/1994	QT11C_VLV	02					
18	000076	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	02					
19	000077	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	02					
20	000078	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	02					
21	000079	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	02					
22	000080	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	02					
23	000081	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	02					
24	000082	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	02					
25	000083	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	02					
26	000084	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	02					
27	000085	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	01					
2	000002	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	01					
3	000003	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	01					
4	000004	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	01					
5	000005	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	01					
6	000006	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	01					HP,ĐK
7	000007	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	01					
8	000008	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	01					
9	000009	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	01					
10	000010	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	01					
11	000011	1101020262	Hoàng Minh	Thảo	27/09/2005	KD11A	01					
12	000012	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	01					
13	000013	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	01					
14	000014	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	01					
15	000015	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	01					HP
16	000016	0901030207	Ngô Minh	Hiền	30/05/2003	KD9D	01					HP
17	000017	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	01					
18	000018	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	01					
19	000019	1101070432	Lê Thị Nhật	Dương	18/03/2005	KL11A	01					
20	000020	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	01					
21	000021	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	01					
22	000022	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	01					
23	000023	1101011383	Nguyễn Thị	Mai	16/11/2004	NH11A	01					HP,ĐK
24	000024	1001071166	Đỗ Thị	Thùy	10/05/2003	QL10A	01					
25	000025	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	01					HP
26	000026	1101030499	Nguyễn Ngọc	Bắc	05/09/2005	QM11A	01					HP,ĐK
27	000027	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	01					
28	000028	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01					HP
29	000029	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	01					
30	000030	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	01					HP,ĐK
31	000031	1101030595	Lê Quyền	Linh	21/07/2005	QT11B	01					HP
32	000032	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	01					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
33	000033	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	01					
34	000034	0901030279	Nguyễn Hà	Vy	07/12/2003	QT9A	01					HP
35	000035	0901030002	Trần Nguyễn Phương	Thảo	15/08/2003	QT9C	01					
36	000036	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	01					
37	000037	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	01					
38	000038	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	01					
39	000039	1001080382	Đình Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	01					
40	000040	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Ngày tháng Năm

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Thẩm định giá trị doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	01					HP
2	000002	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	01					
3	000003	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	01					
4	000004	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	01					
5	000005	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	01					
6	000006	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	01					
7	000007	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	01					HP
8	000008	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	01					
9	000009	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	01					HP
10	000010	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	01					
11	000011	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	01					
12	000012	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	01					
13	000013	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	01					
14	000014	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	01					
15	000015	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	01					
16	000016	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	01					
17	000017	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	01					
18	000018	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	01					
19	000019	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	01					
20	000020	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	01					
21	000021	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	01					
22	000022	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	01					
23	000023	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	01					HP
24	000024	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	01					
25	000025	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	01					
26	000026	0901010278	Trần Phương	Thảo	24/09/2003	TC9A	01					HP
27	000027	0901010121	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	TC9A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tiếng Anh kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001040005	Trần Tuấn	Anh	15/10/2004	CT10A	01					HP
2	000002	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	01					
3	000003	1001061095	Ngô Thị Ngọc	Hoài	16/06/2004	KA10A	01					
4	000004	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	01					
5	000005	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	01					
6	000006	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD10C	01					
7	000007	1001020286	Phùng Lê Phương	Thảo	17/09/2004	KD10C	01					
8	000008	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD10D	01					
9	000009	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	01					HP
10	000010	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	01					HP,ĐK
11	000011	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	01					
12	000012	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	01					
13	000013	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	01					
14	000014	0901030096	Bùi Thị Thảo	Vy	17/06/2003	QM9A	01					
15	000015	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	01					
16	000016	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	01					HP,ĐK
17	000017	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	01					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	01					
2	000002	0901060874	Trần Quỳnh	Nga	09/03/2003	KA9A	01					HP
3	000003	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	01					
4	000004	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	01					
5	000005	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	01					
6	000006	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	01					
7	000007	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	01					HP
8	000008	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	01					HP
9	000009	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	01					
10	000010	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	01					
11	000011	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	01					HP
12	000012	1104020019	Nguyễn Quang	Vinh	12/10/1997	T11A_TCE	01					
13	000013	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	01					
14	000014	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	01					HP
15	000015	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	01					
16	000016	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	01					
17	000017	1001010855	Vũ Ngọc	Sơn	24/07/2004	TC10B	01					
18	000018	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Pháp luật kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	01					HP
2	000002	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	01					
3	000003	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	01					
4	000004	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	01					HP
5	000005	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	01					
6	000006	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	01					
7	000007	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01					
8	000008	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	01					HP
9	000009	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	01					HP
10	000010	1104020022	Triệu Huyền	Trang	22/12/1989	LT11A	01					
11	000011	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	01					
12	000012	1101010784	Phan Kim	Chi	30/06/2005	NH11A	01					HP,ĐK
13	000013	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	01					
14	000014	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	01					HP
15	000015	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	01					HP
16	000016	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	01					
17	000017	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	01					
18	000018	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	01					
19	000019	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	01					
20	000020	0901020946	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/09/2000	QT9D	01					
21	000021	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	01					HP
22	000022	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2